

An Giang, ngày 11 tháng 02 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 khoảng 08cm và cao hơn TBNN từ 06-18cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước xuống chậm, mực nước cao nhất ngày 10/02 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 04-12cm, cao hơn TBNN từ 17-28cm. Mực nước thấp nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 06-41cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch ít biến đổi. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 10/02 phổ biến ở mức xấp xỉ đến cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-15cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước lên chậm theo xu thế triều biển Tây, đỉnh triều tại các trạm ở mức thấp.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh xuống chậm trong 3 ngày đầu, sau lên chậm.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước xuống chậm trong 3 ngày đầu, sau lên chậm.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch có xu thế xuống chậm.
- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé xuống nhanh trong ngày đầu, sau lên chậm. Đỉnh triều tại các trạm trong 5 ngày tới ở mức dưới BĐI.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: mặn trên các sông, kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sông, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website:

<http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày

12/02/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin



Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày 10/02		So với 09/02		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III									11/02	12/02	13/02	14/02	15/02
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	131	-14	▼	1	▲	6	▲	123	117	113	120	125
					Hmin	17	-9	▼	40	▲	-13	▼	12	8	5	3	2
Ông Chương	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	139	-11	▼	-7	▼	21	▲	131	125	121	128	133
					Hmin	8	-10	▼	38	▲	10	▲	3	-1	-4	-6	-7
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	123	-8	▼	-7	▼	0	◀▶	115	109	105	112	117
					Hmin	51	-12	▼	21	▲	-4	▼	46	42	39	37	36
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	147	-11	▼	-8	▼	18	▲	139	133	129	136	141
					Hmin	17	-9	▼	33	▲	-3	▼	12	8	5	3	2
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	152	-5	▼	-12	▼	28	▲	144	138	134	141	146
					Hmin	15	-9	▼	41	▲	31	▲	10	6	3	1	0
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	143	-11	▼	-4	▼	17	▲	135	129	125	132	137
					Hmin	12	-8	▼	41	▲	6	▲	7	3	0	-2	-3
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	47	1	▲	-4	▼	2	▲	45	43	41	39	37
					Hmin	21	-3	▼	8	▲	0	◀▶	19	17	15	13	11
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	37	1	▲	5	▲	6	▲	33	32	31	30	29
					Hmin	26	-6	▼	7	▲	-1	▼	24	22	20	19	18
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	45	1	▲	8	▲	1	▲	41	40	39	38	37
					Hmin	35	-5	▼	4	▲	-1	▼	33	31	29	28	27
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	46	1	▲	7	▲	5	▲	42	41	40	39	38
					Hmin	36	-5	▼	3	▲	3	▲	34	32	30	29	28
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	54	0	◀▶	6	▲	7	▲	50	49	48	47	46
					Hmin	44	-5	▼	2	▲	5	▲	42	40	38	37	36
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	55	1	▲	-9	▼	8	▲	53	51	49	47	45
					Hmin	26	-4	▼	3	▲	2	▲	24	22	20	19	18
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	67	1	▲	-3	▼	22	▲	65	63	61	59	57
					Hmin	51	-2	▼	7	▲	18	▲	49	47	45	43	41
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	57	2	▲	-3	▼	7	▲	55	53	51	49	47
					Hmin	44	-5	▼	-1	▼	5	▲	42	40	38	36	34
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	36	1	▲	0	◀▶	10	▲	35	34	33	32	30
					Hmin	25	-3	▼	5	▲	7	▲	24	23	22	21	19
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	84	2	▲	-2	▼	24	▲	83	82	81	80	78
					Hmin	63	-3	▼	4	▲	20	▲	62	61	60	59	57
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	112	0	◀▶	-9	▼	25	▲	111	110	109	108	107
					Hmin	66	-5	▼	10	▲	15	▲	64	62	60	59	58
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	78	1	▲	-8	▼	7	▲	77	76	75	74	72
					Hmin	53	-4	▼	-1	▼	3	▲	52	51	50	49	47

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	67	3	▲	-2	▼	6	▲	66	65	64	63	61
					Hmin	48	-7	▼	-2	▼	4	▲	47	46	45	44	42
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	54	4	▲	-1	▼	12	▲	53	52	51	50	48
					Hmin	36	-7	▼	-4	▼	14	▲	35	34	33	32	30
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	35	0	◀▶	-2	▼	-3	▼	30	31	32	33	35
					Hmin	4	-15	▼	-19	▼	20	▲	3	2	1	0	-1
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	73	3	▲	-14	▼	24	▲	48	51	54	55	55
					Hmin	-7	-14	▼	16	▲	22	▲	-15	-17	-19	-21	-22

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ▶◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





